



do my homework

/du: maɪ 'həʊmwɜ:k/

(v)

làm bài tập về nhà của tôi



speak English

/spi:k 'ɪŋɡlɪʃ/

(v)

nói tiếng Anh

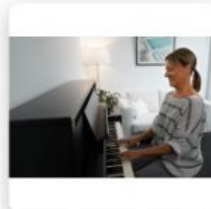


go to an English club

/gəʊ tu ən 'ɪŋɡlɪʃ klʌb/

(v)

đi đến một câu lạc bộ tiếng Anh



play the piano

/pleɪ ðə pi'ænəʊ/

(v)

chơi đàn piano

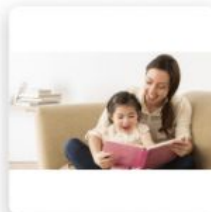


help some old people

/help sʌm əʊld 'pi:pl/

(v)

giúp đỡ một số người già



read to somebody

/ri:d tu 'sʌmbədi/

(v)

đọc cho ai đó

